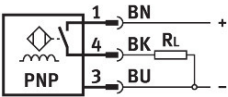


# Cảm biến tiệm cận SIEF-M8NB-PS-S-L

Số bộ phận: 538307



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                              | Giá trị                                                                                                         |
|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thiết kế                              | tròn                                                                                                            |
| Tuân theo tiêu chuẩn                  | EN 60947-5-2                                                                                                    |
| Giấy phép                             | Dấu RCM<br>c UL us - Listed (OL)                                                                                |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)   | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị điện áp thấp của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU                         |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp) | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS<br>theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện |
| Nguyên tắc đo lường                   | cảm ứng                                                                                                         |
| Khoảng cách chuyển đổi định mức       | 4 mm                                                                                                            |
| Khoảng cách chuyển mạch được đảm bảo  | 3.24 mm                                                                                                         |
| Các hệ số giảm thiểu                  | Nhôm = 1,0<br>Thép không gỉ St 18/8 = 1,0<br>Đồng = 1,0<br>Đồng thau = 1,0<br>Thép St 37 = 1,0                  |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -30 °C...85 °C                                                                                                  |
| Độ chính xác lặp lại                  | 0.08 mm                                                                                                         |
| Đầu ra chuyển mạch                    | PNP                                                                                                             |
| Chức năng phần tử chuyển mạch         | Cơ cấu đóng                                                                                                     |
| Độ trễ                                | 0.12 mm...0.6 mm                                                                                                |
| Tần số chuyển mạch tối đa DC          | 2000 Hz                                                                                                         |
| Dòng điện đầu ra tối đa               | 150 mA                                                                                                          |
| Sụt áp                                | 1.8 V                                                                                                           |
| Chống chịu ngắn mạch                  | theo chu kỳ                                                                                                     |
| Dải điện áp hoạt động DC              | 10 V...30 V                                                                                                     |
| Dao động                              | 10 %                                                                                                            |
| Dòng điện chạy không tải              | 15 mA                                                                                                           |
| Chống phân cực                        | cho tất cả các kết nối điện                                                                                     |
| Cổng nối điện                         | 3 chân<br>M8x1<br>Phích cắm                                                                                     |

| Đặc tính                            | Giá trị                               |
|-------------------------------------|---------------------------------------|
| Kích thước                          | M8                                    |
| Kiểu gắn                            | với đai ốc khóa                       |
| Mô men xoắn siết                    | 10 N m                                |
| Loại cài đặt                        | không khít                            |
| trọng lượng sản phẩm                | 19 g                                  |
| Vật liệu vỏ                         | PA<br>thép hợp kim cao không gỉ       |
| Hiển thị trạng thái chuyển mạch     | Đèn LED màu vàng                      |
| Mức độ bảo vệ                       | IP67                                  |
| Miễn nhiệm với từ trường            | từ trường một chiều và xoay chiều     |
| Lớp chống ăn mòn KBK                | 4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh     |
| Lựa chọn thông tin cảm biến bổ sung | Với hệ số giảm 1, chống lại từ trường |
| Đầu ra điện                         | PNP                                   |
| Lựa chọn phiên bản cảm biến         | Tiêu chuẩn                            |